Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)
Số 22 Ngô Quyền, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Hotline: 1900 5555 92 | Website: PVcomBank.com.vn

PHỤ LỤC 4C: BIỂU PHÍ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ PVCOMBANK MASTERCARD

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương /KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G Gold	KH trải nghiệm				
1	**Phát hành thẻ**														A
1.1	- Thẻ chính	110.000 VND	Miễn phí			Miễn phí phát hành lần đầu, từ lần 2 trở đi thu 110.000/thẻ		Miễn phí phát hành lần đầu, từ lần 2 trở đi thu 110.000/thẻ		110.000 VND	110.000 VND	Miễn phí phát hành lần đầu, từ lần 2 trở đi thu 110.000/thẻ	01 thẻ	VAT	
1.2	- Thẻ phụ	110.000 VND	Miễn phí							110.000 VND	110.000 VND		01 thẻ	VAT	
1.3	- Phí phát hành thẻ nhanh	50.000 VND	Miễn phí	50.000 VND									01 thẻ	VAT	

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương /KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G Gold	KH trải nghiệm				
	(Theo yêu cầu của khách hàng)														
2	**Phí thường niên (*)**												01 thẻ	VAT	A
2.1	Phí thường niên năm đầu														A
	- Thẻ chính	119.000 VND	Miễn phí												
	- Thẻ phụ	59.000 VND	Miễn phí												
2.2	Phí thường niên năm thứ 2														
	- Thẻ chính	119.000 VND	Miễn phí	Miễn phí						119.000 VND					
	- Thẻ phụ	59.000 VND	Miễn phí	59.000 VND											
2.3	Phí thường niên năm thứ 3														
	- Thẻ chính	119.000 VND	Miễn phí	Miễn phí						119.000 VND					
	- Thẻ phụ	59.000 VND	Miễn phí	59.000 VND											
2.4	Phí thường niên năm thứ 4														
	- Thẻ chính	119.000 VND	Miễn phí	Miễn phí			119.000 VND								

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương /KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G Gold	KH trải nghiệm				
	- Thẻ phụ	59.000 VND	Miễn phí	59.000 VND											
2.5	Phí thường niên năm thứ 5														
	- Thẻ chính	119.000 VND	Miễn phí	Miễn phí		119.000 VND									
	- Thẻ phụ	59.000 VND	Miễn phí	59.000 VND											
2.6	Phí thường niên năm thứ 6														
	- Thẻ chính	119.000 VND	Miễn phí	Miễn phí		119.000 VND									
	- Thẻ phụ	59.000 VND	Miễn phí	59.000 VND											
3	**Phí phát hành lại thẻ (thay đổi hạng, mất cắp, thất lạc...)**	80.000 VND											01 lần	VAT	A
4	**Phí gia hạn thẻ hết hạn**	30.000 VND	Miễn phí										01 lần	VAT	A

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương /KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G Gold	KH trải nghiệm				
5	**Phí cấp lại PIN**	22.000 VND	11.000 VND			22.000 VND							01 lần	VAT	A
6	**Phí tra soát khiếu nại (do khiếu nại sai)**	100.000 VND	50.000 VND			100.000 VND							01 lần		A
7	**Phí khác bao gồm: Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch,...**	50.000 VND	30.000 VND			50.000 VND							01 lần		A
8	**Phí cấp bản sao sao kê chi tiết tại quầy**	50.000 VND	30.000 VND			50.000 VND							01 lần		A
9	**Phí giao dịch qua ATM trong hệ thống PVcomBank**														A
9.1	- Vấn tin	550 VND	Miễn phí			550 VND							01 lần	VAT	
9.2	- In sao kê	Miễn phí											01 lần	VAT	

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương /KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G Gold	KH trải nghiệm				
9.3	- Rút tiền mặt	1.100 VND	Miễn phí	1.100 VND									01 lần	VAT	
9.4	- Chuyển khoản sang thẻ/TK	550 VND	Miễn phí			550 VND							01 lần	VAT	
10	**Phí giao dịch qua ATM ngoài hệ thống PVcomBank tại Việt Nam**														A
10.1	- Vấn tin	550 VND	Miễn phí			550 VND							01 lần	VAT	
10.2	- In sao kê	3.300 VND	Miễn phí			3.300 VND							01 lần	VAT	
10.3	- Rút tiền mặt	11.000 VND	Miễn phí			11.000 VND							01 lần	VAT	
10.4	- Chuyển khoản sang thẻ/TK Ngân hàng khác	5.500 VND	Miễn phí			5.500 VND							01 lần	VAT	
11	**Phí rút tiền mặt nước ngoài**	4% (Tối thiểu : 50,000)											Số tiền giao dịch	VAT	A

TT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Cán bộ nhân viên PVCB	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH trả lương /KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
				Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX. Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	KH Hạng Kim Cương - G-Diamond	KH Hạng Bạch Kim - G-Platinum	KH Hạng Vàng - G Gold	KH trải nghiệm				
12	**Phí xử lý giao dịch**	2.3% * số tiền giao dịch											Số tiền giao dịch	VAT	A
13	**Phí giao dịch tại POS**	Miễn phí											01 lần		A
13.1	- Vấn tin/mua hàng/hủy giao dịch	Miễn phí											01 lần		
14	**Phí thay đổi hạn mức giao dịch**	Miễn phí											01 lần		A
15	**Phí chọn số thẻ theo yêu cầu (****)**	500.000 VND											01 thẻ	VAT	A

Lưu ý:

1. Điều kiện phân nhóm khách hàng được căn cứ theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ và chính sách giá/phí được áp dụng cho khách hàng theo phân nhóm khách hàng tại thời điểm thông tin KH được định danh trên T24.

(*) Điều kiện hoàn phí thường niên (áp dụng với khách hàng phát sinh phí thường niên năm tiếp theo): Khách hàng đang sử dụng thẻ ghi nợ quốc tế và đạt tổng giá trị giao dịch trong năm liền trước với thẻ chính đạt từ 30 triệu đồng trở lên; với thẻ phụ đạt từ 15 triệu đồng trở lên áp dụng với giao dịch thanh toán trên internet và/hoặc giao dịch trên POS.
2. PVcomBank không hoàn lại phí cho Khách hàng trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.
3. Các chi phí phát sinh như phí chuyển phát và các chi phí khác do Ngân hàng khác thu sẽ được PVcomBank thông báo và thu theo thực tế phát sinh.
4. Các phí có ghi chú ở cột VAT là **"VAT"** trong biểu phí này đã bao gồm thuế GTGT.
5. Các phí không ghi chú ở cột VAT trong biểu phí này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định của cơ quan thuế.
(****) Phí chọn số thẻ theo yêu cầu không bao gồm Phí chọn số thẻ đẹp. Quy định Số thẻ đẹp được PVcomBank ban hành theo từng thời kỳ.